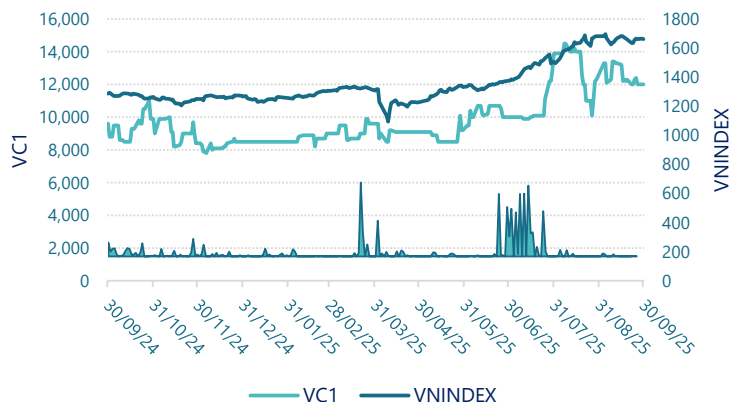




CTCP Xây dựng số 1 (HNX: VC1)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	12,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,800
SL cổ phiếu LH	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,490
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	144
P/E	40.7
EPS	295

DT thuần

Q3/25

60.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼124| -67.1%

YoY: ▼24.4| -28.7%

LN sau thuế

Q3/25

1.00

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.74| -42.8%

YoY: ▼0.10| -9.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

5.2%

+/- YoY: ▲ 0.1%

DT thuần

9T 2025

334

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 69.0| 26.3%

LN sau thuế

9T 2025

3.37

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.05| 1.3%

ROE

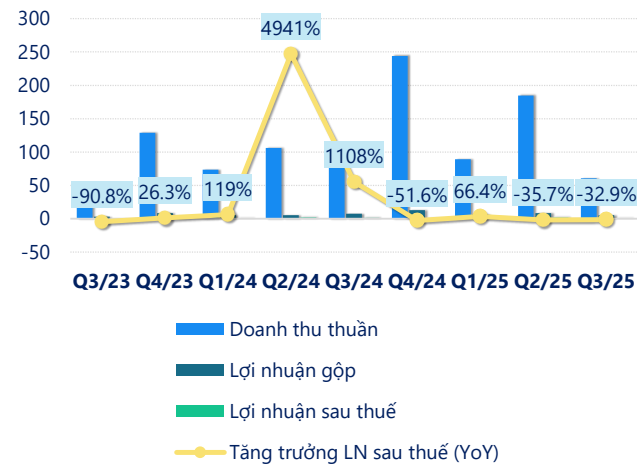
Q3/25

1.4%

+/- YoY: ▼ 1.1%

tỷ VNĐ

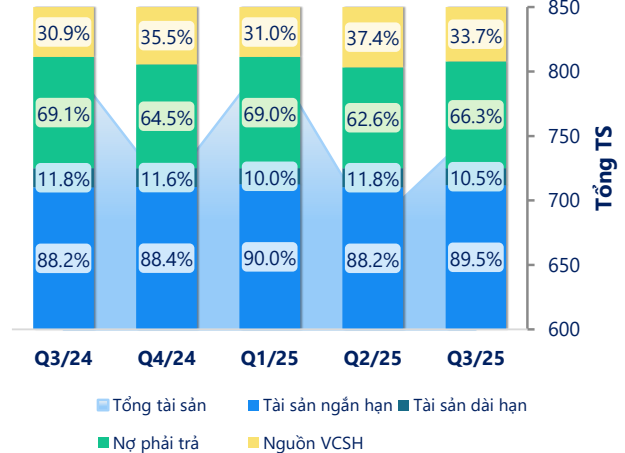
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

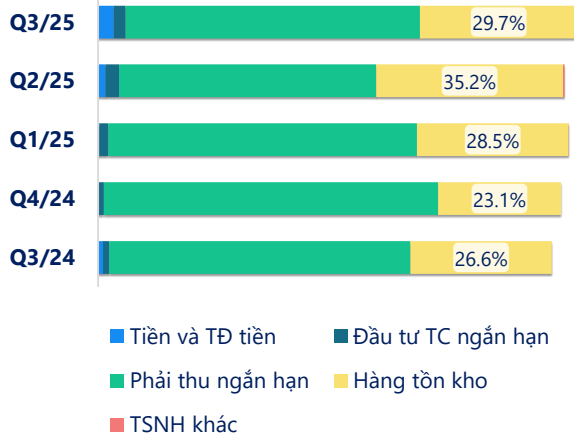
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



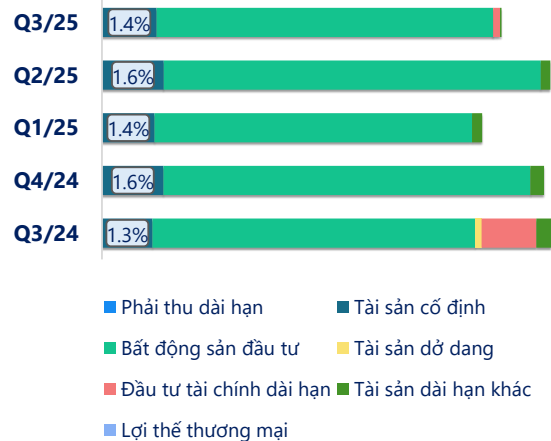
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

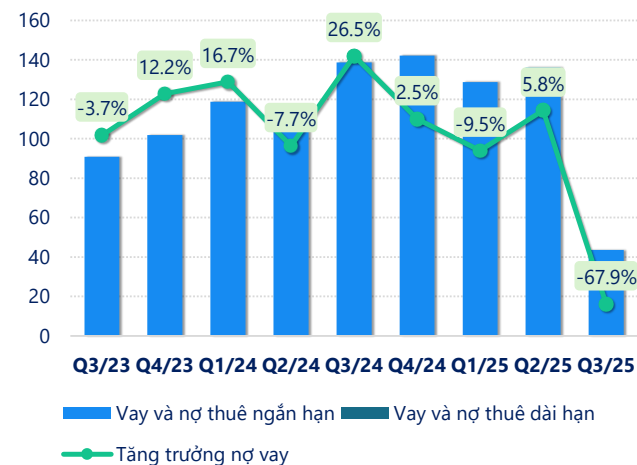
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

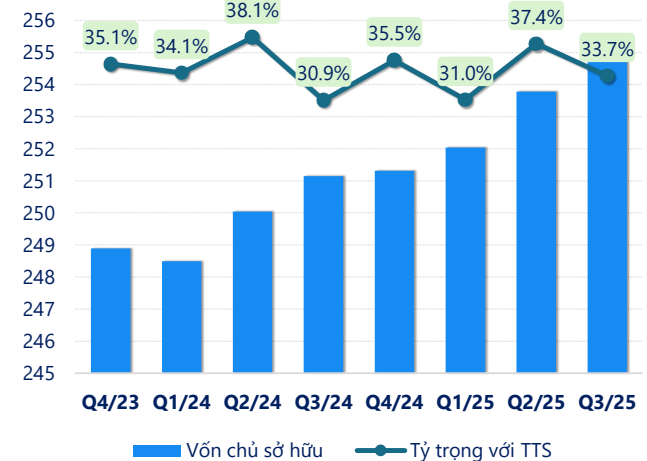
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

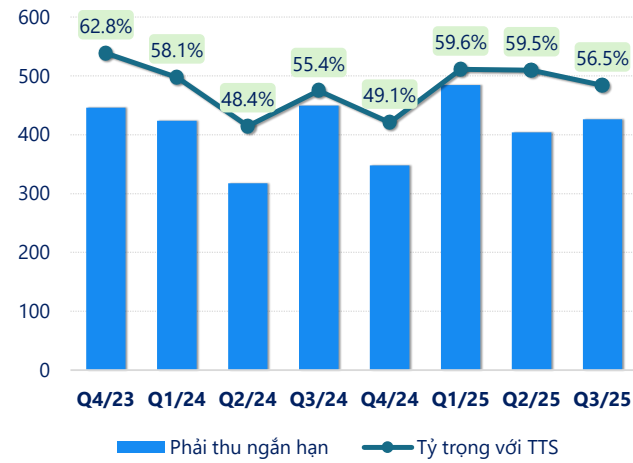
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



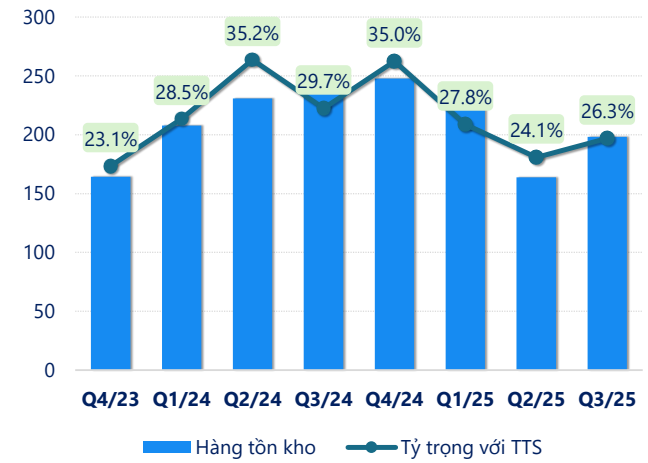
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


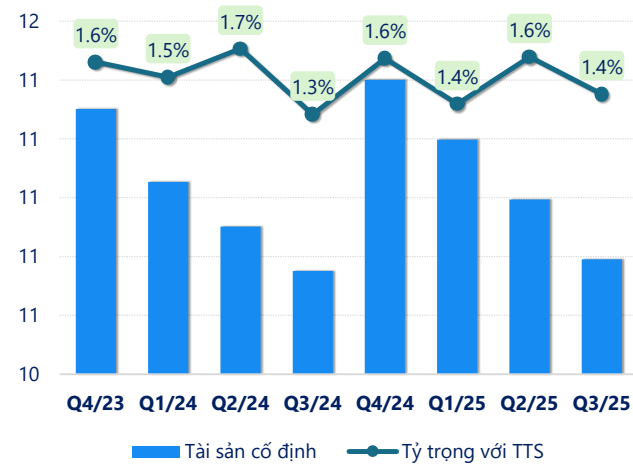
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


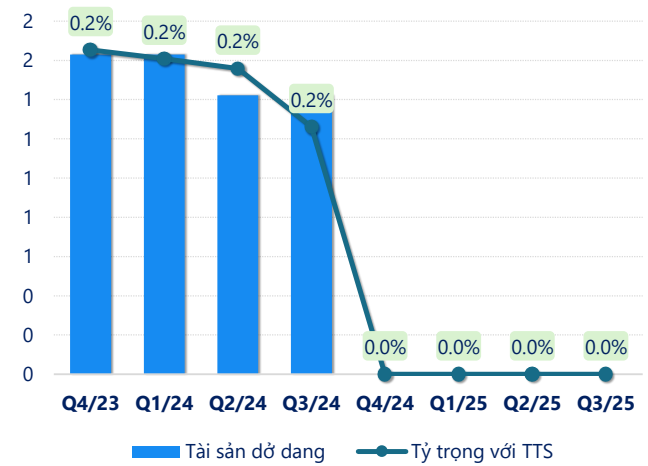
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

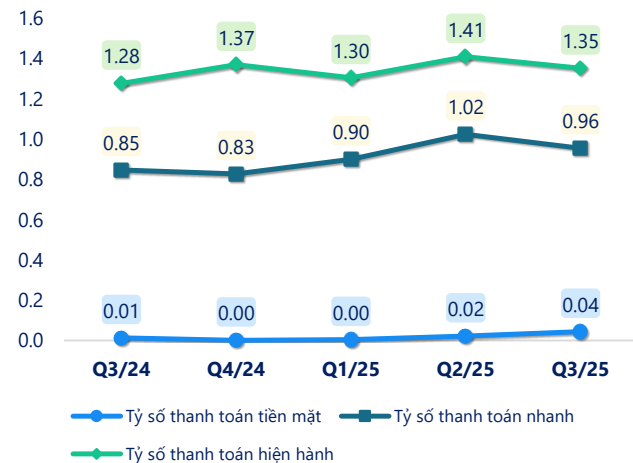
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

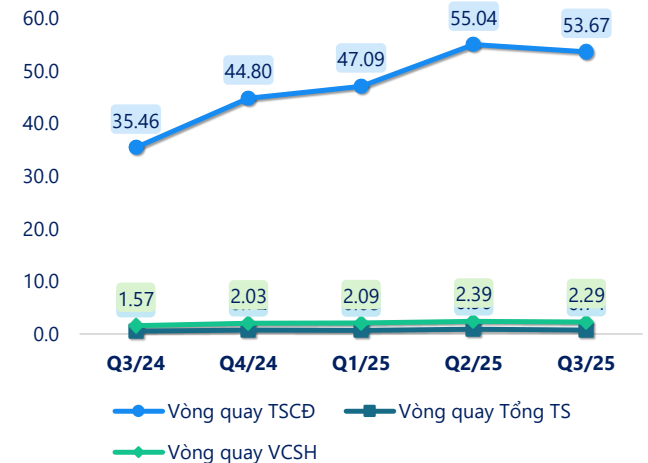
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	812	708	813	679	755
Tài sản ngắn hạn	716	626	731	599	676
Tiền và tương đương tiền	7.29	0.43	2.20	9.27	22.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	18.2	29.9	18.2	22.0	29.0
Phải thu ngắn hạn	449	348	485	404	426
Hàng tồn kho	241	248	226	164	198
Tài sản ngắn hạn khác	0.07	0	0	0	0
Tài sản dài hạn	96.0	82.4	81.4	80.2	79.5
Phải thu dài hạn	0.05	0.05	0.05	0.05	0.05
Tài sản cố định	10.8	11.4	11.2	11.0	10.8
Bất động sản đầu tư	68.9	68.4	67.9	67.5	67.0
Tài sản dở dang	1.42	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	11.7	0	0	0	1.35
Tài sản dài hạn khác	3.17	2.55	2.18	1.71	0.33
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	561	457	561	426	501
Nợ ngắn hạn	560	457	560	425	500
Vay và nợ thuê ngắn hạn	139	142	129	136	43.7
Phải trả người bán ngắn hạn	138	176	149	188	155
Nợ dài hạn	0.22	0.16	0.16	0.64	0.76
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	251	251	252	254	255
Vốn chủ sở hữu	251	251	252	254	255
Vốn điều lệ	120	120	120	120	120
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)